|  |  |
| --- | --- |
| BỘ MÔN: **ĐỊA LÍ**  KHỐI LỚP: **12**  TUẦN: 03 /HK1 (từ 20/9 đến 25/9/2021) |  |

**TRƯỜNG THPT PHÚ NHUẬN**

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

**CHỦ ĐỀ 1. VIỆT NAM – ĐẤT LIỀN VÀ BIỂN ĐẢO (TIẾT 3)**

**I. NHIỆM VỤ TỰ HỌC, NGUỒN TÀI LIỆU CẦN THAM KHẢO:**

**Chủ đề 1. Việt Nam – đất liền và biển, đảo (tiết 3)**

Nội dung 1. **VÙNG BIỂN VÀ THỀM LỤC ĐỊA CỦA NƯỚC TA GIÀU TÀI NGUYÊN**

- Học sinh đọc mục 1. Vùng biền và thềm lục địa của nước ta giàu tài nguyên trang 190, 191 sách giáo khoa.

- Học sinh kết hợp với đọc Atlat địa lí Việt Nam trang 4,5,6,7.

Nội dung 2. **CÁC ĐẢO VÀ QUẦN ĐẢO CÓ Ý NGHĨA CHIẾN LƯỢC TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ BẢO VỆ AN NINH VÙNG BIỂN**

- Học sinh đọc mục 2. Các đảo và quần đảo có ý nghĩa chiến lược trong phát triển kinh tế và bảo vệ an ninh vùng biển trang191, 192 sách giáo khoa đia lí 12.

- Học sinh kết hợp đọc Atlat địa lí Việt Nam trang 4, 5, 6, 7.

Nội dung 3. **KHAI THÁC TỔNG HỢP TÀI NGUYÊN VÙNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO**

- Học sinh đọc mục 3. **Khai thác tổng hợp tài nguyên vùng biển và hải đảo** trang 192, 193, 194 sách giáo khoa địa lí 12.

- Học sinh kết hợp với đọc Atlat địa lí Việt Nam trang 4, 5, 8, 20, 23.

Nội dung 4. **TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC VỚI LÁNG GIỀNG TRONG GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ VỀ BIỂN VÀ THỀM LỤC ĐỊA.**

- Học sinh đọc mục 4. **Tăng cường hợp tác với láng giềng trong giải quyết các vấn đề về biển và thềm lục địa** trang 194 sách giáo khoa.

- Tham khảo thêm clip bài giảng*: https://www.youtube.com/watch?v=JfWg2IvbPEs*

**II. KIẾN THỨC CẦN GHI NHỚ:**

**1. Vùng biển và thềm lục địa nước ta giàu tài nguyên**

**a. Nước ta có vùng biển rộng lớn**

- Vùng biển rộng khoảng 1 triệu km2.

- Gồm 5 bộ phận: nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa.

**b. Nước ta có điều kiện khai thác tổng hợp kinh tế biển**

- Nguồn lợi sinh vật: phong phú, giàu thành phần loài, nhiều loại có giá trị kinh tế cao, nhiều đặc sản như đồi mồi, hải sâm, bào ngư, chim yến,...

- Tài nguyên khoáng, dầu mỏ và khí tự nhiên: có nguồn muối vô tận, nhiều sa khoáng, cát trắng, dầu khí ở thềm lục địa.

- Về điều kiện phát triển giao thông vận tải biển: nằm gần các tuyến hàng hải quốc tế, dọc bờ biển có nhiều vụng biển kín 🡪xây dựng cảng nước sâu,...

- Du lịch biển – đảo: nhiểu điều kiện thuận lợi để phát triển: bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp, khí hậu tốt,...

**2. Các đảo và quần đảo có ý nghĩa chiến lược trong phát triển kinh tế và bảo vệ an ninh vùng biển**

**a. Thuộc vùng biển nước ta có hơn 4000 hòn đảo lớn nhỏ**

- Đảo đông dân như Cái Bầu, Cát Bà, Lý Sơn, Phú Quý, Phú Quốc.

- Các quần đảo: Vân Đồn, Cô Tô, Cát Bà, Hoàng Sa, Trường Sa, Côn Đảo, Nam Du, Thổ Chu.

- Ý nghĩa:

+ Là hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền, hệ thống căn cứ giúp ta tiến ra biển và đại dương, khai thác có hiệu quả nguồn lợi biển đảo.

+ Việc khẳng định chủ quyền nước ta trên các đảo là cơ sở để khẳng định chủ quyền của nước ta đối với vùng biển và thềm lục địa quanh đảo.

**b. Các huyện đảo nước ta**

- Vân Đồn, Cô tô (*tỉnh Quảng Ninh*)

- Cát Hải, Bạch Long Vĩ (*Tp Hải Phòng*)

- Cồn Cỏ (*Quảng Trị*)

- Hoàng Sa (*Tp Đà Nẵng*)

- Trường Sa (*Khánh Hòa*)

- Lý Sơn (*Quảng Ngãi*)

- Phú Quý (*Bình Thuận*)

- Côn Đảo (*Bà Rịa - Vũng Tàu*)

- Phú Quốc, Kiên Hải (*Kiên Giang*)

**3. Khai thác tổng hợp tài nguyên vùng biển và hải đảo**

**a. Tại sao phải khai thác tổng hợp**

- Hoạt động kinh tế biển rất đa dang, khai thác tổng hợp mới đem lại hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ môi trường.

- Môi trường biển không chia cắt được, một khu vực bị ô nhiễm sẽ ảnh hưởng tổn hại đến toàn vùng.

- Môi trường đảo có diện tích nhỏ lại biệt lập nên rất nhạy cảm trước tác động của con người.

**b. Khai thác tài nguyên sinh vật biển và hải đảo**

- Cần tránh khai thác quá mức nguồn lợi ven bờ, các đối tượng đánh bắt có giá trị kinh tế cao.

- Cấm không sử dụng các phương tiện đánh bắt có tính chất huỷ diệt nguồn lợi.

- Việc phát triển đánh bắt xa bờ giúp khai thác tốt hơn nguồn lợi hải sản, đồng thời giúp bảo vệ vùng trời, vùng biển và vùng thềm lục địa của nước ta.

**c. Khai thác tài nguyên khoáng sản**

- Nghề làm muối phát triển mạnh ở nhiều địa phương, nhất là ở Duyên hải Nam Trung Bộ. Hiện nay, việc sản xuất muối công nghiệp đã đựơc tiến hành và đem lại năng suất cao.

- Việc thăm dò và khai thác dầu khí trên vùng thềm lục địa đã được đẩy mạnh. Tránh để xẩy ra các sự cố môi trường trong thăm dò, khai thác, vận chuyển và chế biến dầu khí.

**d. Phát triển du lịch biển**

- Các trung tâm du lịch biển đã được nâng cấp, nhiều bãi biển mới đựơc đưa vào khai thác.

**e. Giao thông vận tải biển**

- Hàng loạt cảng hàng hoá lớn đã đựơc cải tạo, nâng cấp.

- Một số cảng nước sâu đã được xây dựng.

**4. Tăng cường hợp tác với láng giềng trong giải quyết các vấn đề về biển và thềm lục địa.**

- Việc tăng cường đối thoại, hợp tác giữa Việt Nam và các nước có liên quan sẽ là nhân tố tạo ra sự phát triển ổn định trong khu vực, bảo vệ được lợi ích chính đáng cùa Nhà nước và Nhân dân ta, giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nước ta.

- Mỗi công dân Việt Nam đều có bổn phận bảo vệ vùng biển và hải đảo của đất nước.

**III. BÀI TẬP:**

**A – PHẦN TỰ LUẬN**

**Câu 1.** Tại sao kinh tế biển có vai trò ngày càng cao trong nền kinh tế của nước ta?

**Câu 2.** Tại sao việc giữ vững chủ quyền của một hòn đảo, dù rất nhỏ, lại có ý nghĩa rất lớn?

**Câu 3.** Tại sao phải khai thác tổng hợp các tài nguyên vùng biển và hải đảo?

**B – PHẦN TỰ LUẬN**

**Câu 1.** Ý nào sau đây **không đúng** với vùng biển nước ta?

**A**. Biển có độ sâu trung bình.

**B**. Vịnh Bắc Bộ và vịnh Thái Lan là các vùng biển sâu.

**C**. Biển nhiệt đới ấm quanh năm, nhiều ánh sáng, giàu ôxi.

**D**. Độ muối trung bình khoảng 30-33%.

**Câu 2.** Biển nước ta có nhiều đặc sản như

**A**. bào ngư, sò huyết, mực, cá, tôm, hải sâm. **B**. hải sâm, bào ngư, đồi mồi, cá, tôm, cua.

**C**. mực, cá, tôm, cua, đồi mồi, bào ngư. **D**. đồi mồi, vích, hải sâm, bào ngư, sò huyết.

**Câu 3.** Chim yến có nhiều trên các đảo đá ven bờ

**A**. Bắc Trung Bộ. **B**. Đông Bắc.

**C**. Nam Trung Bộ. **D**. Đông Nam Bộ.

**Câu 4.** Cát trắng là nguyên liệu quý để làm thủy tinh, pha lê tập trung chủ yếu ở các đảo thuộc tỉnh

**A**. Bình Định, Phú Yên. **B**. Quảng Ninh, Khánh Hòa.

**C**. Ninh Thuận, Bình Thuận. **D**.Thanh Hóa, Quảng Nam.

**Câu 5.** Ý nào sau đây **không đúng** với tài nguyên khoáng sản, dầu mỏ và khí tự nhiên ở vùng biển nước ta?

**A**. Vùng biển nước ta có một số mỏ sa khoáng ôxit titan có giá trị xuất khẩu.

**B**. Dọc bờ biển của vùng Đồng bằng sông Hồng có điều kiện thuận lợi nhất để sản xuất muối.

**C**. Vùng thềm lục địa có các tích tụ dầu khí, với nhiều mỏ tiếp tục được phát hiện, thăm dò và khai thác.

**D**. Cát trắng ở các đảo thuộc Quảng Ninh, Khánh Hòa là nguyên liệu quý để làm thủy tinh, pha lê.

**Câu 6.** Điều kiện thuận lợi phát triển du lịch biển - đảo ở nước ta là

**A**. nằm gần các tuyến hàng hải quốc tế trên Biển Đông.

**B**. suốt từ Bắc vào Nam có nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp, khí hậu tốt.

**C**. dọc bờ biển có nhiều vụng biển kín thuận lợi cho xây dựng các cảng nước sâu.

**D**. nhiều cửa sông cũng thuận lợi cho việc xây dựng cảng.

**Câu 7.** Điểm nào sau đây **không đúng** đối với việc khai thác tài nguyên sinh vật biển và hải đảo?

**A**. Hạn chế việc đánh bắt xa bờ để tránh thiệt hại do bão gây ra.

**B**. Tránh khai thác quá mức nguồn lợi ven bờ.

**C**. Tránh khai thác quá mức các đối tượng đánh bắt có giá trị kinh tế cao.

**D**. Cấm sử dụng các phương tiện đánh bắt có tính chất hủy diệt nguồn lợi.

**Câu 8.** Vấn đề lớn đặt ra trong thăm dò, khai thác, vận chuyển và chế biến dầu khí ở nước ta là

**A**. Thiếu lao động. **B**. Ô nhiễm môi trường.

**C**. Khó khai thác, vận chuyển. **D**. Thiếu kinh phí để chế biến.

**Câu 9.** Nguyên nhân cơ bản dẫn đến phải khai thác tổng hợp các tài nguyên vùng biển là

**A**. tài nguyên biển bị suy giảm nghiêm trọng. **B**. hoạt động kinh tế biển rất đa dạng.

**C**. môi trường biển dễ bị chia cắt. **D**. môi trường biển mang tính biệt lập.

**Câu 10**. Việc khẳng định chủ quyền của nước ta đối với các đảo và quần đảo có ý nghĩa

**A**. là cơ sở để khẳng định chủ quyền nước ta đối với vùng biển và thềm lục địa quanh đảo.

**B**. là hệ thống tiền tiêu để bảo vệ phần đất liền của Tổ quốc.

**C**. là căn cứ để nước ta tiến ra biển và đại dương trong thời đại mới.

**D**. góp phần khai thác có hiệu quả các nguồn lợi vùng biển, hải đảo của nước ta.

**IV. NỘI DUNG CHUẨN BỊ:**

Học sinh xem trước bài 3. Thực hành vẽ lược đồ Việt Nam

**V. ĐÁP ÁN BÀI TẬP TỰ LUYỆN:**

**A – PHẦN TỰ LUẬN**

**Câu 1.** Tại sao kinh tế biển có vai trò ngày càng cao trong nền kinh tế của nước ta?

*- Tài nguyên trong đất liền cạn kiệt 🡪 tiến ra biển khai thác có hiệu quả tài nguyên biển là cần thiết.*

*- Phát triển kinh tế biển (hàng hải, du lịch biển,...) là một trong những con đường nhanh nhất để nước ta giao lưu với các quốc gia trong khu vực, trên thế giới, là bàn đạp để nước ta tiến ra đại dương.*

*- Là cách khẳng định chủ quyền, bảo vệ an ninh biên giới vùng biển nước ta.*

*- Biển Đông là vùng có nền chính trị nhạy cảm. Vì thế nước ta cần đầu tư hơn nữa tới việc phát triển kinh tế biển, quan tâm đời sống người dân vùng biển.*

**Câu 2.** Tại sao việc giữ vững chủ quyền của một hòn đảo, dù rất nhỏ, lại có ý nghĩa rất lớn?

*Việc giữ vững chủ quyền của một hòn đảo, dù nhỏ, lại có ý nghĩa rất lớn vì :*

*Việc khẳng định chủ quyền của một nước đối với các đảo và quần đảo có ý nghĩa là cơ sở để khẳng định chủ quyền của nước ta đối với vùng biển và thềm lục địa quanh đảo, khẳng định lãnh thổ thống nhất toàn vẹn của Việt Nam.*

**Câu 3.** Tại sao phải khai thác tổng hợp các tài nguyên vùng biển và hải đảo?

*- Hoạt động kinh tế biển rất đa dang, khai thác tổng hợp mới đem lại hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ môi trường.*

*- Môi trường biển không chia cắt được, một khu vực bị ô nhiễm sẽ ảnh hưởng tổn hại đến toàn vùng.*

*- Môi trường đảo có diện tích nhỏ lại biệt lập nên rất nhạy cảm trước tác động của con người.*

**B – PHẦN TRẮC NGHIỆM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| B | D | C | B | B | B | A | B | B | A |

**Lưu ý: giáo viên hỗ trợ: Cô Lê Thị Hương - 0982210703**